

# THIÊN VĂN HỌC CỔ TRUNG HOA

» [mục lục] [phi lộ] [chương 1] [chương 2] [chương 3] [chương 4] [chương 5] [chương 6] [chương 7] [chương 8]

## Chương 8

### Thiên văn và nhân văn trong Kinh Dịch

- I. Tử Vi Viên
- II. Thái Vi Viên
- III. Nhị thập bát tú
- IV. Thất chính
- V. Sông Ngân Hà

Quẻ Bí bàn về văn vẻ của Bản Thể, bàn về thiên văn và nhân văn, bàn về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và nhân sự, do sự giao thoa của sáng tối, của nhân nghĩa, y như vẻ đẹp của hào quái là do sự giao thoa giữa hai vạch Âm Dương.

Ta sẽ đem Dịch mà giải thiên văn, nhân văn một cách đại cương vắn tắt. Tất cả trong trời đất cũng như trong con người, chỉ có Đạo, có Bản Thể, có Tuyệt Đối là thuần phác, hồn nhiên tĩnh lặng. Cái Tuyệt Đối vô hình vô sắc ấy chính là điểm hằng cửu bất biến phát sinh ra thiên hình vạn trạng, phát sinh ra mọi văn mọi vẻ trong trời đất này.

Ở nơi vòng Dịch, Tuyệt Đối hay Thái Cực ở trung cung làm khu nữu cho hào quái. Hào quái tức là hình thức sắc tướng của Bản Thể, của Thái Cực.

Trên trời, Thái Cực hay Tuyệt Đối thể trở thành Thiên Hoàng Thượng Đế, ngự ở tòa Bắc Thần, làm khu nữu cho muôn vị tinh tú, còn vòng Dịch có thể tượng trưng bằng vòng Nhị thập bát tú bên ngoài.

Như vậy, chỉ có Bắc Thần (Étoile polaire) là trục, còn cả bầu trời cùng muôn vị tinh tú đều xoay tròn chung quanh.

Thiên văn học Ptolémée xưa lấy trái đất làm tâm điểm vạn hữu, nhật nguyệt và ngũ tinh xoay quanh bên ngoài, tạo thành bảy tầng trời, chuyển vận theo bảy dấu đàn, tầng trời thứ tám là tầng trời của các định tinh, tầng trời thứ chín là tầng trời của thần thánh (Empyrée).

Như vậy, càng lên cao, càng ra vòng ngoài, lại càng trở nên thanh quý, và nơi ô trọc trần tục nhất lại là trung tâm, và đó là trần hoàn gian khổ của ta.

Ngược lại, Trung Hoa cho rằng tâm điểm là Bắc Thần, là Hạo Thiên Thượng Đế, càng ở trong càng quý, càng ra bên ngoài thì càng hèn. Và tổ chức thiên văn cũng như tổ chức triều ca dưới thế.

Vua dưới trần có nội cung, có triều ca, có cung đình khi đi tuần thú, thì Hạo Thiên Thượng Đế cũng có Tử Vi Viên, tức là nội cung với thể tử, cũng có Thái Vi Viên là triều đình luận sự, cũng có Thiên Thị Viên tức là cung quán khi tuần thú muôn phương.

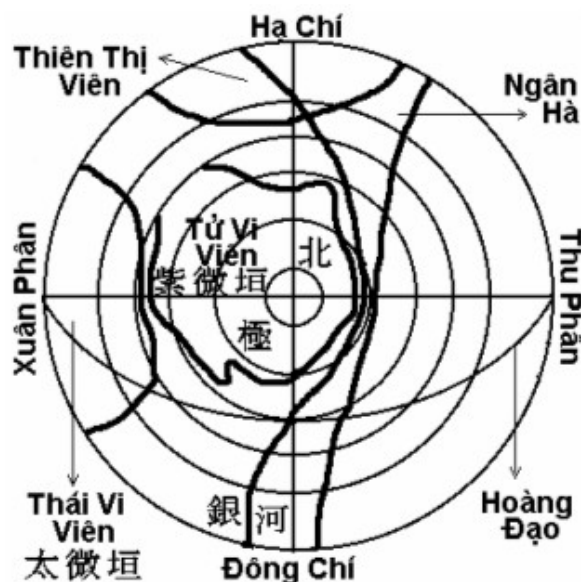
Mặt trời, mặt trăng, và ngũ tinh chẳng qua là những vì sao nhỏ, xoay vùn trên vòng Hoàng Đạo, trên 12 cung Hoàng Đạo, qua 28 quán xá trời mây hay 28 chòm sao mà ta thường gọi là Nhị thập bát tú, để mà tạo nên tứ thời bát tiết, tạo nên thời gian thiên nhiên và thời gian lịch sử cho nhân quần.

Sự chuyển vận của tinh cầu trên vòng Hoàng Đạo, sự chuyển vận của muôn sao quanh tâm điểm Bắc Thần để tạo nên muôn vẻ huy hoàng tươi đẹp cho hoàn vũ, đó chính là văn vẻ được đề cập trong quẻ Bí.

Để hiểu thiên văn Trung Hoa thêm đôi chút nữa, ta sẽ bàn qua về:

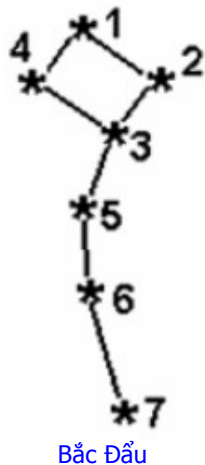
- Tử Vi Viên 紫微垣
- Thái Vi Viên 太微垣

- Nhị thập bát tú 二十八宿
- Thất chính 七正 (nhật nguyệt và 5 hành tinh: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ)
- Sông Ngân Hà 銀河.



## I. Tử Vi Viên 紫微垣

Tử Vi Viên tức là nội cung, nội tẩm, gồm 54 sao hay chòm sao. Ta thấy Thiên Hoàng Đại Đế 天皇大帝 ngự ở ngôi Bắc Thần 北辰. Có Câu Trần 勾陳 làm cận vệ, có Đế Tọa 帝座 (Thiên Đế Tinh: l'Étoile souveraine du ciel), có Thiên Sàng 天床 (le Lit de justice céleste), có lọng che (Hoa Cái 華蓋 và Giang杠: le Baldaquin), lại có các Hậu Phi 后妃 (les Reines), Thái Tử 太子 (le Prince Impérial), các Thứ Tử 次子 (les fils de concubine), các công chúa (Ngự Nữ 御女: les filles impérialles).



Điểm qua hàng phụ tá, ta thấy có:

- Tứ Phụ 四輔 (les quatre Supports)
- Thượng Thư 尚書 (le Secrétaire)
- Trụ Sử 柱史 (Ngự sử: Censeurs)
- Đại Lý 大理 (les Juges)
- Tam Sư 三師 (les Trois Gouverneurs)
- Tam Công 三公 (les Trois Conseillers)
- Tướng 相 (le Ministre)
- Tam Thai 三台 (les Trois Éminences)
- Văn Xương 文昌 (les Accomplis)

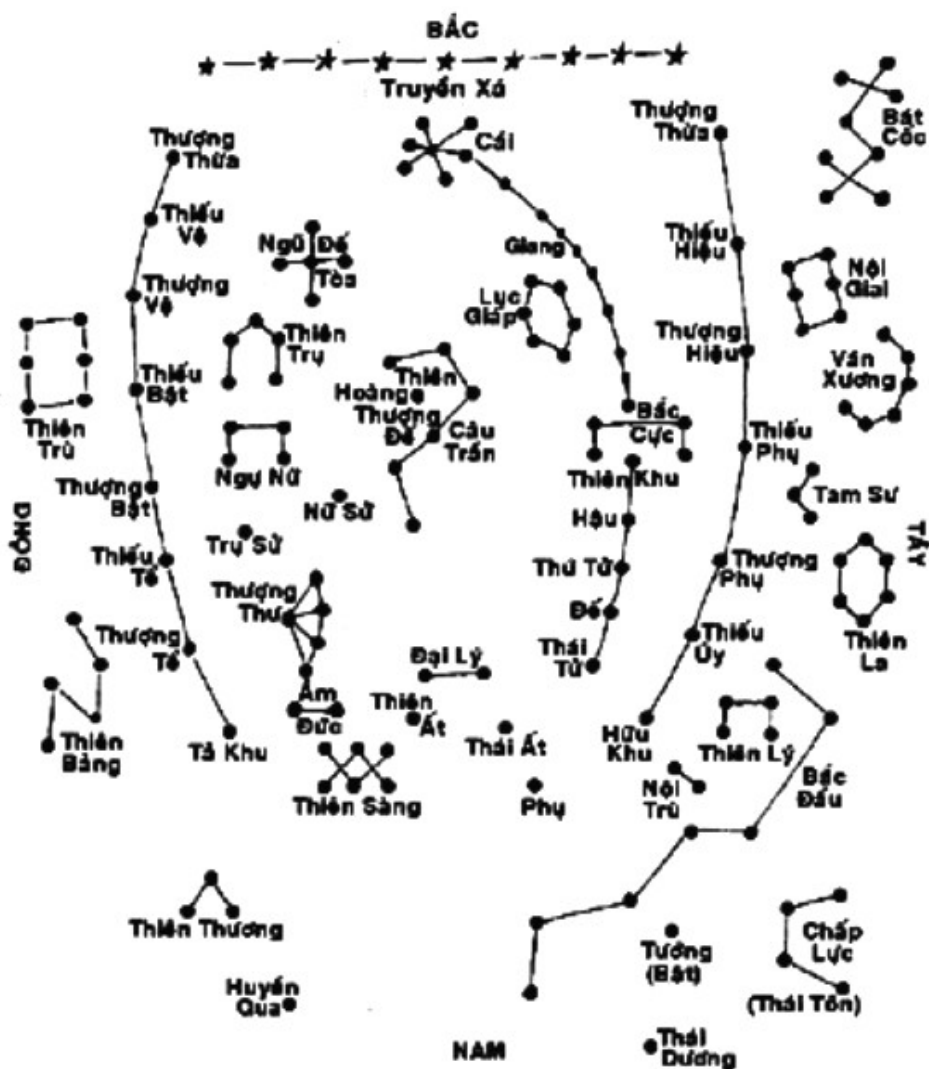
- Thái Tôn 太尊 (les Grands Augustes)
- Thiên Ất 天乙 (la Première du Ciel)
- Thái Ất 太乙 (l'Archie première)
- Lục Giáp 六甲 (les Six Chefs)
- Thái Dương Thủ 太陽守 (le Gardien resplendissant)
- Truyền Xá 傳舍 (le Maître du Logis)

Ngoài ra còn có:

- Thiên Trù 天廚 (la Cuisine céleste)
- Nội Trù 內廚 (la Cuisine intérieure)

- Thiên Lao 天牢 (la Prison céleste)
- Tả Khu 左樞 (le Pivot droit)
- Hữu Khu 右樞 (le Pivot gauche)

Và nhất là chiếc xe trời: Đế Xa 帝車 gồm 7 vì sao Bắc Đẩu: (1) Khu Tinh (Tham Lang), (2) Tuyền Tinh (Cự Môn), (3) Kỵ Tinh (Lộc Tồn), (4) Quyền Tinh (Văn Khúc), (5) Hành Tinh (Liêm Trinh), (6) Khai Dương (Vũ Khúc), (7) Giao Quang (Phá Quân).



## II. Thái Vi Viên 太微垣

Thái Vi Viên là chỗ Thượng Đế thiết triều. Ta thấy ở giữa có Ngũ Đế Tòa (la Siège Intérieur des cinq empereurs) chỗ ấy là ngai Thượng Đế (Hoàng Đế). Đằng sau ngai Đế Tòa, ta thấy:

- Thái Tử 太子 (le Prince) và các cận vệ như:
  - . Hạnh Quan 幸官 (les Officier du Bonheur)
  - . Tòng Quan 從官 (la Suite)
  - . Hồ Bí 虎賁 (Hồ Bôn: les Tigres rapides)
  - . Thường Trần 常陳 (l'Escouade perpétuelle)
  - . Lang Tướng 郎將 (le Commandant de la Garde)
  - . Tam Thai 三台 (les Trois Éminences)
  - . Lang Vị 郎位 (le Siège des Officiers)

Hai bên tả hữu phía trước ngài lại giàn ra hai hàng văn võ:

- Thượng Tướng 上將 (Premier Général)
- Thứ Tướng 次將 (Second Général)
- Thượng Tướng 上相 (Premier Conseiller)
- Thứ Tướng 次相 (Second Conseiller)
- Tả Chấp Pháp 左執法 (le Justicier de Gauche)
- Hữu Chấp Pháp 右執法 (le Justicier de Droite)

Nơi sân rồng ta thấy bức bình phong (Nội bình 內屏) và sự hiện diện của:

- Cửu Khanh 九卿 (les Neuf Nobles)
- Tam Công 三公 (les Trois Conseillers auliqués)
- Chư Hầu 諸侯 (les Qinq Officiers)
- Yết Giả 謁者 (les Visiteurs)

Xa hơn nữa, ta thấy có cửa ‘Đoan Môn’ 端門, tòa ‘Minh Đường’ 明堂, tòa ‘Linh Đài’ 靈臺 cùng với bức tường ‘Trường Viên’ 長垣 của triều đình Thiên Quốc.

Thái Vi Viên gồm 29 sao hay chòm sao. (Xem hình vẽ)



### III. Nhị thập bát tú 二十八宿

Người xưa gọi Nhị thập bát tú tức là 28 ‘quán xá’ trời hay là những Kinh tinh để cho mặt trời, mặt trăng và ngũ tinh chuyển vận lại qua.

Nhị thập bát tú theo từ nguyên, vừa có ý nghĩa luân lý, vừa có mục đích mô tả lại công việc một năm của nhà vua. Ví dụ: Giác 角 là vạn vật bắt đầu sinh. Vạn vật sinh ra rồi thì phải định tông miếu lễ nghĩa (Cang 亢), v.v. Giác là đầu mùa xuân, cũng là sừng để tung lòng trời, lòng đất mà nhô lên. Giác có phụ tinh là Thiên Điền 天田, vì đầu xuân vua ra đồng để cấy một luống tượng trưng...

Ta không đi sâu vào chi tiết, mà chỉ cần nhớ tên và vị trí Nhị thập bát tú. Nhị thập bát tú gồm 4 nhóm sao lớn:

a. Nhóm sao phía Đông là Thanh Long 青龍, có 7 chòm sao:

- (1) Giác 角 Spica và z Virginis
- (2) Cang 亢 i, c, l, m Virginis
- (3) Đê 氐 a, b, g, n Libræ
- (4) Phòng 房 b, d, p, r Scorpionis
- (5) Tâm 心 a, d, t Scorpionis
- (6) Vĩ 尾 e, l, m, n, i, x, l, n Scorpionis
- (7) Cơ 箕 g, d, e Sagittarii, b Telescopii

b. Nhóm sao phía Bắc là Huyền Vũ 玄武, có 7 chòm sao:

- (1) Đẩu 斗 m, l, f, p, t, x, Sagittarii
- (2) Ngưu 牛 a, b, x Neb. 323, 324 Capricorne, Neb. 322 Sagittarii
- (3) Nữ 女 n, m, n, xx 493 Piazzii, Aquarii
- (4) Hư 虛 b Aquarii, a Equlei
- (5) Nguy 危 a Aquarii, e, d Pegasi
- (6) Thất 室 Aquarii, a, b Pegasi
- (7) Bích 壁 a Andromedæ g Pegasi

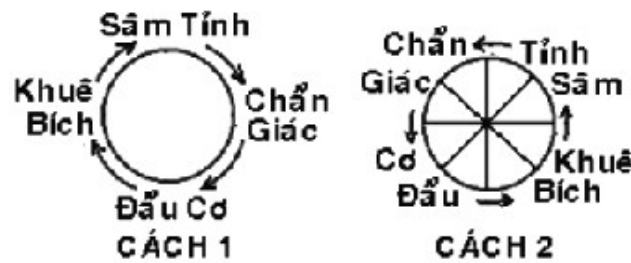
c. Nhóm sao phía Tây là Bạch Hổ 白虎, có 7 chòm sao:

- (1) Khuê 奎 16 sao h, z, I, e, d, p, n, m, b Andromedæ, s, t, u, n, f, x, y Piscium
- (2) Lô 婁 a, b, g Capitis Arietis
- (3) Vị 胃 n2, b, c, Muscoe
- (4) Mão 昴 h, e, h, f, d, h, Tauri (Pleiades)
- (5) Tất 畢 e IV61 Piazi, d, g, a, ¶2, ¶1 Tauri (Hyades)
- (6) Chủy 觜 l, f Orionis
- (7) Sâm 參 a, b, g, d, e, x, h, x, Orionis

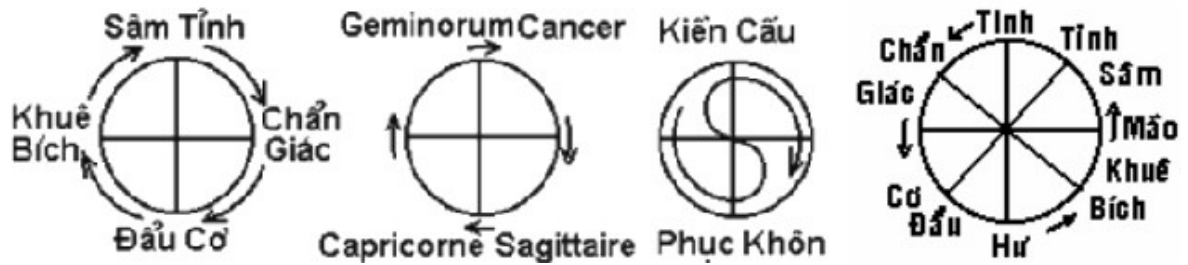
d. Nhóm sao phía Nam là Chu Tước 朱雀, có 7 chòm sao:

- (1) Tỉnh 井 8 sao: m, n, g, x, l, d, và e Germinerum
- (2) Quỷ 鬼 g, d, h, u Caneri
- (3) Liễu 柳 d, e, z, h, u, r, s, w Hydræ
- (4) Tinh 星 a, 2 t, i, 20 và 26 Flamsteed vài sao chòm Hydræ
- (5) Trương 張 6 sao n, f, m, l, n và x Hydræ
- (6) Dực 翼 22 sao Crateris và Hydræ
- (7) Chấn 軫 g, e, b, h Cervi

Cách sắp xếp Nhị thập bát tú trên vòng Hoàng Đạo hết sức phức tạp. Ta thấy có mấy cách sắp sau đây:



Xếp theo lối 1 trên, ta rút ra được một ý nghĩa siêu hình và Đạo học giống Dịch và chiêm tinh học cổ, vì:



Xếp theo lối 2 phù hợp với các sách thiên văn học cổ thông thường và có cái hay là 4 chòm sao giữa của 4 chòm sao đứng vào tứ chính.

Người xưa còn chia vòng Hoàng Đạo ra làm 12 cung với những tên tương ứng sau đây:

A (xưa)	B (tác giả)	C	D	E	F
SỬU	TÍ	Tinh Kỳ 星紀	Ma Yết	Đầu Ngưu	le Génital
TÍ	SỬU	Huyền Hiêu 玄枵	Bảo Bình	Nữ Hư Ngụy	le Germinal
HỢI	DẪN	Thú Tư 娶訃	Song Ngư	Thất Bích	l'Aréal
TUẤT	MÃO	Giáng Lâu 降婁	Bạch Dương	Khuê Lâu	l'Initial
DẬU	THÌN	Đại Lương 大梁	Kim Ngưu	Vị Mão Tất	l'Agitatoire
THÂN	TỊ	Thật Trầm 實沉	Song Tử	Chúy Sâm	le Clotural
MÙI	NGỌ	Thuần Thủ 鶉首	Cự Giải	Tinh Quỉ	le Collisal
NGỌ	MÙI	Thuần Hỏa 鶉火	Sư Tử	Liểu, Tinh, Trương	le Pructidor
TỊ	THÂN	Thuần Vĩ 鶉尾	Thất Nữ	Dực Chấn	le Messidor
THÌN	DẬU	Thọ Tinh 壽星	Thiên Xứng	Giác Cang	Vendemiaire
MÃO	TUẤT	Đại Hỏa 大火	Thiên Yết	Đê Phòng Tâm	le Sicaire
DẪN	HỢI	Tích Mộc 析木	Nhân Mã	Ví Cơ	le Réfugiaire

#### IV. Thất Chính 七正

Thất Chính gồm: (1) Mặt trời (Thái Dương); (2) Mặt trăng (Thái Âm); và Ngũ Hành: (3) Kim Tinh (Thái Bạch); (4) Mộc Tinh (Mộc Đức); (5) Thủy Tinh (Thủy Diệu); (6) Hỏa Tinh (Vân Hán); (7) Thổ Tinh (Thổ Tú).

[1]

- Mặt trăng (Lune) quay 1 vòng chu thiên: 1/12 năm.

- Thủy Tinh (Mercure) quay 1 vòng chu thiên: 1 năm.
- Kim Tinh (Venus) quay 1 vòng chu thiên: 1 năm.
- Mặt trời (Soleil) quay 1 vòng chu thiên: 1 năm.
- Hỏa Tinh (Mars) quay 1 vòng chu thiên: 2 năm.
- Mộc Tinh (Jupiter) quay 1 vòng chu thiên: 12 năm.
- Thổ Tinh (Saturne) quay 1 vòng chu thiên: 28 năm.

Hỏa, Mộc, Thổ : Dương (chủ ngoại)

Kim, Thủy: Âm (chủ nội)

Âm Dương đắp đổi giao thoa thành thiên văn, thiên biến, và thời tiết. Ngày nay theo hệ thống Copernic thì các hành tinh đều quay quanh mặt trời theo những qui đạo bầu dục.

Ngày xưa, người Trung Hoa cũng như Âu Châu quan sát tinh tượng từ trái đất và bằng mắt trần, nên thấy các hành tinh có những đường lối hết sức là phức tạp, lắt léo, lúc tiến lúc lui, lúc đi lúc đứng, lúc hiện lúc ẩn, lúc ấp lúc trì; ánh sáng cũng tùy theo thời tiết, tùy theo các lớp mây lớp mù mà biến sắc, do đó họ cho là các vì sao biết giận biết vui như con người, tiến thì hay, thoái thì dở...

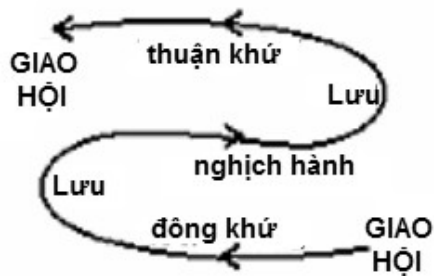
Họ cho rằng: Thổ Tinh là phúc tinh, ứng vào nước nào thì nước ấy phúc khánh. Mộc Tinh hay Tuế Tinh là phúc tinh, còn Hỏa Tinh là sao đem tới loạn lạc, giặc giã. Kim Tinh hay Thái Bạch chủ về quân binh nên tướng soái phải tùy Thái Bạch cao thấp, nhanh chậm, tinh táo, ẩn hiện mà bắt chước, điều binh. Thủy Tinh chỉ tứ thời, sắc vàng thì được mùa, đen thì hồng thủy...

Ta làm bản tóm lược về ngũ tinh như hình sau.

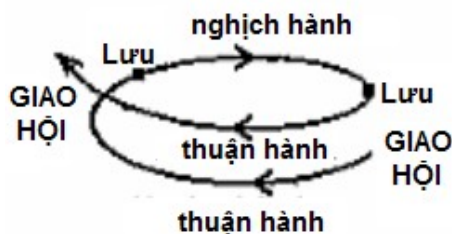


Và đây là đại khái những đường đi kỳ dị của ngũ tinh:

a. Các hành tinh: Thổ, Mộc, Kim:



b. Các hành tinh: Kim, Thủy:

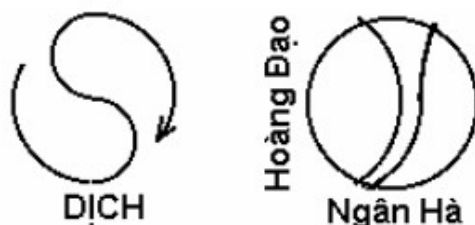


Người xưa muốn xem điềm trời lành dữ ứng vào nước nào, bèn chia Trung Hoa và các nước chư hầu

thành những miền ứng với một chòm sao nào đó của Nhị thập bát tú. Cách đó gọi là Phân Dã.

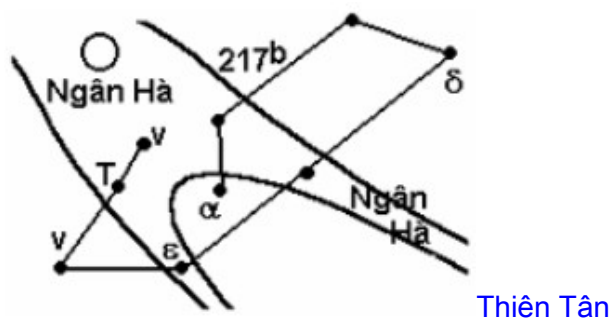
Như vậy trời trở thành một trạm thám sát cho nhà vua để vua trông lên trời mà biết tình hình từng phương, từng xứ dưới trần gian... Ví dụ nước Việt Nam theo Hán Thư Thiên Văn Chí thì ứng vào sao Dực Chấn, theo Tấn Thư Thiên Văn Chí thì ứng vào chòm sao Ngưu Nữ.

## V. Sông Ngân Hà



Vòng Dịch có đường xoáy chữ S ở giữa, thì trời có sông Ngân Hà vắt ngang theo chiều Tí Ngọ.

Cát Hồng Bào Phác Tử viết: Sông Ngân Hà<sup>[2]</sup> nơi gần Bắc Cực chia thành hai nhánh, và từ đó vắt sang Nam Cực. Một nhánh qua chòm sao Nam Đẩu, một nhánh qua chòm sao Đông Tinh.<sup>[3]</sup>



Gustav Schlegel cho rằng quả thực cách đây 18.500 năm sông Ngân Hà đã có vị trí như trên, và sách chiêm tinh học đều ghi chép như vậy. Tuy nhiên, vì sự chuyển dịch ngày nay chỗ sông Ngân Hà chẻ nhánh đã xa Bắc Cực nhiều.

Khoảng gần Bắc Cực, sông Ngân Hà có một chỗ khô «có thể lội qua» gọi là Thiên Tân (bến trời) thuộc các chòm sao Ngưu, Đẩu,<sup>[4]</sup> vì thế Thiên Tân còn có một tên là Cách Tinh.<sup>[5]</sup> Cách là đến, Tân là qua.<sup>[6]</sup> Thiên tân trên trời có thể nói là ứng với quẻ Phục trong vòng Dịch Tiên Thiên.

Khảo sát về thiên văn học Trung Hoa ta thấy các nhà thiên văn chẳng những muốn nghiên cứu sự vận chuyển các vì sao, mà còn muốn dùng các sao trên trời để viết lại niềm tin của mình, những hoài bão của mình, những công trình của mình phải làm trong năm, trong tháng. Hơn nữa, người xưa còn muốn đem tâm tư con người mà điểm xuyết cho các vì sao, đem tính nết lành dữ của con người gán ghép cho các vì sao, làm cho bầu trời trăng sao trở thành một thiên đình linh động, thành một triều đình được tổ chức theo như nơi trần thế. Sau cùng, đem gắn liền hoạt động các vì sao vào công việc, vào số mệnh và sự hưng vong họa phúc của dân nước.

Muốn hiểu thiên văn Trung Hoa ta hãy tưởng tượng như các vì sao nhất là hai vầng nhật nguyệt và 5 hành tinh (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) là những vị thần linh, mà Nhị thập bát tú là những quán xá trời mây của những vị thần linh ấy. Các hành tinh này rong ruổi trên con đường Hoàng Đạo nhanh chậm khác nhau. Các hành tinh lại còn đi lúc nhanh lúc chậm, khi đi khi đứng, khi lui gót lúc bối rối vòng vo, lúc giận hờn mà thấy sắc diện, hoặc phát ra những tia lửa tức tối. Mỗi quán xá trời mây của Nhị thập bát tú lại ứng vào một phần đất dưới trần gian, và tùy theo sao lành dữ đóng ở cung nào trên trời thì hạnh phúc hay loạn lạc sinh ra nơi phần đất tương ứng ở trần gian.

## CHÚ THÍCH



- [1] Ngoài ra còn có 4 chòm sao vô hình là: La Hầu (Rahou), Kế Đô (Ketou), Bội (Apogée de la Lune), Khí (sinh do tháng nhuận).
- Hỏa Tinh còn có các tên: Huỳnh Hoặc 熒惑, Phạt Tinh 罰星, Chấp Pháp 執法, Thiên Chi Sứ 天之使.
  - Kim Tinh = Khải Minh 啟明 (sao Mai: Lucifer), Trường Canh 長庚 (sao Hôm: Vesper), Huỳnh Tinh 熒星, Minh Đường Thái Hiệu 明堂太皞, Ân Tinh 殷星, Văn Biểu 文表, Đại Sảng 大爽, Đại Trạch 大澤, Thái Bạch 太白.
  - Thủy Tinh = Thần Tinh 辰星, Tiểu Chính 小正.
  - Mộc Tinh = Tuế Tinh 歲星, Trùng Hoa 重華, Kỷ Tinh 紀星, Mộc Đức 木德.
  - Thổ Tinh = Trấn Tinh 鎮星, Điền Tinh 填星.
- [2] Ngân Hà còn được gọi là: Thiên Hà 天河, Thiên Hán 天漢, Hà Hán 河漢, Thanh Hán 清漢, Giáng Hà 降河.
- [3] Thiên Hà tòng Bắc Cực phân vi lưỡng đầu chí ư Nam Cực, kỳ nhất kinh Nam Đẩu, kỳ nhất kinh Đông Tinh quá. Hà giả thiên chi thủy dã. Tùy thiên nhi chuyển nhập địa hạ quá. 天河從北極分為兩頭至於南極, 其一經南斗, 其一經東井過. 河者天之水也, 隨天而轉入地下過 (Bão Phác Tử 抱朴子). G.Schlegel, Uranographie Chinoise, T1, p.208, note 5.
- [4] Thiên Tân (le Gué du Ciel) gồm 9 sao trong chòm Le Cygne: Thiên Tân tây nhất tinh thuộc Đẩu, Trung nhị tinh thuộc Ngưu, Đông tam tinh thuộc Nữ, Hư (Kinh Tinh). 天津西一星屬斗, 中二星屬牛, 東三星屬女虛. G.Schlegel, Uranographie Chinoise, T1, p.210.
- [5] Thiên Tân hựu danh Cách Tinh. Cách chí dã 天津又名格星. 格至也. Ibid, p.109, note 2 et 4.
- [6] Tân độ dã 津渡也. (Thuyết Văn). Ibid, p. 210.

---

» [mục lục] [phi lộ] [chương 1] [chương 2] [chương 3] [chương 4] [chương 5] [chương 6] [chương 7] [chương 8]